TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NINH GIANG** TỈNH HẢI DƯƠNG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **22**/2019/HS-ST
Ngày: 20/5/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Đức Chính.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Duy Tuấn.

Bà Phạm Thị Tuẫn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Đức Huấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Đại - Kiểm sát viên.

Ngày 20/5/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 18/2019/TLST-HS ngày 11/4/2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2019/QĐXXST-HS ngày 10/5/2019, đối với các bị cáo:

1. Vũ Đức T, sinh ngày 19/9/1983;

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam

Con ông Vũ Đức C và bà Phạm Thị T; có vợ và 02 con (con lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2015).

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ 03 ngày, từ 8 giờ ngày 25/01/2019 đến 8 giờ ngày 28/01/2019; hiện bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 16 ngày 11/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang; có mặt.

2. Vũ Đức B, sinh ngày 26/5/1985.

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam

Con ông Vũ Đức M và bà Nguyễn Thị Đ; có vợ và 02 con (con lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2009);

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị tạm giữ 03 ngày, từ 8 giờ ngày 25/01/2019 đến 8 giờ ngày 28/01/2019; hiện bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 17 ngày 11/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang; có mặt.

3. Đàm Bá Th, sinh ngày 10/5/1983;

Nơi cư trú: Thôn T, xã Q, huyện N, tỉnh Hải Dương;

Nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Đàm Bá Th1 và bà Phạm Thị X; có vợ (đã ly hôn) và 02 con (con lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2009);

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 18 ngày 04/01/2017, Công an huyện Ninh Giang xử phạt 1.000.000 đồng về hành vi đánh bạc ngày 22/12/2016; ngày 05/01/2017 đã chấp hành xong;

Bị tạm giữ 03 ngày, từ 8 giờ ngày 25/01/2019 đến 8 giờ ngày 28/01/2019; hiện bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 18 ngày 11/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang; có mặt.

4. Nguyễn Duy Đ, sinh ngày 25/5/1983;

Nơi cư trú: Thôn B, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương;

Nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Nguyễn Duy Đ1 và bà Hà Thị S; có vợ và 02 con (con lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2014).

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị tạm giữ 03 ngày, từ 8 giờ ngày 25/01/2019 đến 8 giờ ngày 28/01/2019; hiện bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 19 ngày 11/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang; có mặt.

5. Huỳnh Bá N, sinh ngày 16/10/1989;

Nơi cư trú: Thôn X, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương;

Nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Huỳnh Bá N1 và bà Trịnh Thị G; có vợ và 02 con (con lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2017).

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị tạm giữ 03 ngày, từ 8 giờ ngày 25/01/2019 đến 8 giờ ngày 28/01/2019; hiện bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 20 ngày 11/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang; có mặt.

6. Phạm Văn A, sinh ngày 18/6/1982.

Nơi cư trú: Thôn V, xã Q, huyện N, tỉnh Hải Dương;

Nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Phạm Văn O và bà Nguyễn Thị Đ1; có vợ và 02 con (con lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2010).

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ 03 ngày, từ 8 giờ ngày 25/01/2019 đến 8 giờ ngày 28/01/2019; hiện bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 21 ngày 11/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang; có mặt.

7. Phạm Văn C, sinh ngày 02/5/1981;

Nơi cư trú: Thôn T, xã Q, huyện N, tỉnh Hải Dương;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Phạm Đình H và bà Vũ Thị M; có vợ và 02 con (con lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2012);

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị tạm giữ 03 ngày, từ 8 giờ ngày 25/01/2019 đến 8 giờ ngày 28/01/2019; hiện bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 22 ngày 11/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang; có mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác:* Chị Lê Thị S.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Tối ngày 24/01/2019, Vũ Đức T, Nguyễn Duy Đ, Huỳnh Bá N, Phạm Văn C và Phạm Văn A ăn cơm tại nhà Vũ Đức B (Thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương). Ăn xong, N đi về nhà mình, những người còn lại sang nhà Vũ Đức T (ở cùng thôn với Vũ Đức B) để uống nước và xem bóng đá. Khi đi, B mang theo một bộ tú lơ khơ 52 quân với mục đích xem bói bài. Khoảng 22 giờ cùng ngày, khi mọi người đang xem bóng đá tại nhà T thì có người bảo *"làm tí liêng cho đỡ buồn",* tất cả nhóm đồng ý. B bỏ bộ tú lơ khơ để xuống chiếu làm công cụ cho cả nhóm đánh bạc bằng hình thức đánh "Liêng". Ngay sau đó, Đàm Bá Th và Huỳnh Bá N đến cùng tham gia đánh bạc. Hình thức đánh "Liêng" như sau: Trước hết, mỗi người bốc một quân trong bộ bài, ai có quân bài lớn nhất sẽ là người chia bài và đánh trước. Bắt đầu chơi, mỗi người chơi đặt 10.000 đồng gọi là "góp gà" (mấy ván đầu mỗi người đặt 20.000 đồng); tiếp đó chia mỗi người 03 quân bài, số bài còn lại để dưới chiếu gọi là "lọc". Người chơi đánh thứ tự theo chiều kim đồng hồ. Từ ván thứ hai, người thắng ván trước là người chia bài và được đánh trước. Người chơi có thể "tố", mỗi lần "tố" tối thiểu 10.000 đồng, tối đa là 50.000 đồng; nếu không "tố" thì úp bài và sẽ bị mất số tiền đã "góp gà". Các bộ bài trong "Liêng" theo thứ tự: Thứ nhất là "Sáp" - có ba quân bài giống nhau nhưng khác chất, đến "Liêng" - có ba quân bài liên tiếp nhau cùng chất. Nếu người chơi không có bộ "Sáp" hoặc "Liêng" thì sẽ cộng giá trị các quân bài thành điểm (A: 1 điểm; các quân bài từ 2 đến 9 có giá trị tương ứng với quân bài; 10, J, Q, K: mỗi quân 0 điểm, tổng điểm lớn hơn 9 thì chỉ lấy giá trị đơn vị) để so sánh giữa các người chơi với nhau, người nhiều điểm hơn (bằng điểm thì so chất theo thứ tự rô, cơ, bích, tép) sẽ thắng và được hết số tiền những người chơi đã góp "gà" và "tố".

Khi bắt đầu đánh bạc Vũ Đức T có 1.200.000 đồng, cho Nguyễn Duy Đ vay

600.000 đồng. Đ và T, mỗi người có 600.000 đồng để đánh bạc. Sau đó, T thua hết tiền. Đ đã trả T 200.000 đồng để T tiếp tục đánh bạc; Vũ Đức B có 150.000 đồng, Phạm Văn C có 65.000 đồng, Phạm Văn A có 50.000 đồng, Đàm Bá Th có 630.000 đồng và Huỳnh Bá N có 350.000 đồng. Đến khoảng 0 giờ 30 phút, ngày 25/01/2019 Công an huyện Ninh Giang kết hợp với Công an xã T, huyện Ninh Giang bắt quả tang T, B, Đ, C, A, Th và N đang đánh bạc, sát phạt nhau bằng tiền. Các đối tượng vứt toàn bộ số tiền xuống chiếu nên không xác định được ai thắng bạc hay thua bạc, số tiền của ai là bao nhiêu; thu giữ số tiền 3.850.000 đồng trên chiếu bạc, 01 chiếu cói, 01 bộ tú lơ khơ gồm 52 quân từ A đến K; thu giữ trên người Đàm Bá Th 520.000 đồng, Phạm Văn A 1.500.000 đồng là tiền do đánh bạc mà có. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 5.870.000 đồng. Công an huyện Ninh Giang tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, niêm phong vật chứng.

Quá trình điều tra, Vũ Đức T, Vũ Đức B, Nguyễn Duy Đ, Phạm Văn C, Phạm Văn A, Đàm Bá Th và Huỳnh Bá N đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của người chứng kiến, vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản Cáo trạng số 20/CT-VKS-NG ngày 11/4/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương truy tố Vũ Đức T, Vũ Đức B, Nguyễn Duy Đ, Phạm Văn C, Phạm Văn A, Đàm Bá Th và Huỳnh Bá N ra trước Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương để xét xử về tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, công nhận quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang là đúng, xin giảm nhẹ hình phạt và được cải tạo tại địa phương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Vũ Đức T, Vũ Đức B, Đàm Bá Th, Nguyễn Duy Đ, Huỳnh Bá N, Phạm Văn A và Phạm Văn C phạm tội Đánh bạc.

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với đối với bị cáo T, B và Th; thêm khoản 2 Điều 51 đối với T và B. Xử phạt bị cáo T từ 9 - 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 - 24 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị cáo B từ 7 - 9 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 - 18 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị cáo Th từ 6 - 8 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 - 16 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo T, B và Th cho Ủy ban nhân dân xã nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, 2, 3 Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với đối với bị cáo Đ. Xử phạt bị cáo Đ từ 6 - 9 tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn tính từ ngày UBND xã nơi bị cáo cư

trú nhận được hồ sơ thi hành án hình phạt cải tạo không giam giữ. Khấu trừ từ 5% đến 10% thu nhập hằng tháng trong thời gian chấp hành án của bị cáo Đ để sung quỹ Nhà nước. Giao bị cáo Đ cho UBND xã nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và khoản 1, 3 Điều 35 Bộ luật Hình sự đối với đối với các bị cáo N, A và C; thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo N. Xử phạt bị cáo C từ 25.000.000 đồng - 30.000.000 đồng, bị cáo N từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng, bị cáo A từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Phạt các bị cáo T, B, Th và Đ mỗi bị cáo 10.000.000 triệu đồng đến 15.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1, 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm b, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 5.870.000 đồng đồng là tiền các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội. Tịch thu tiêu hủy 01 bộ tú lơ khơ 52 quân, một chiếu cói cũ là công cụ sử dụng vào việc phạm tội.

Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Ninh Giang, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định bị cáo có tội: Lời khai của các bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang cũng như nội dung các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Trong khoảng thời gian từ 22 giờ ngày 24/01/2019 đến 0 giờ 30 phút, ngày 25/01/2019 tại nhà của Vũ Đức T, Vũ Đức B, Nguyễn Duy Đ, Phạm Văn C, Phạm Văn A, Đàm Bá Th và Huỳnh Bá N đã có hành vi đánh bạc trái phép bằng hình thức đánh Liêng, bị Công an huyện Ninh Giang phối hợp với Công an xã T phát hiện bắt quả tang thu giữ tang vật. Các bị cáo đều thừa nhận ngoài các bị cáo không còn ai khác tham gia đánh bạc và số tiền thu tại chiếu bạc và người đánh bạc là 5.870.000 đồng là tổng số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc. Xét thấy, các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi đánh

bạc trái phép là vi phạm pháp luật, xâm phạm trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an tại địa phương, nhưng vì động cơ tư lợi, muốn có tiền nhanh chóng các bị cáo vẫn cố ý phạm tội. Vì vậy, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội Đánh bạc quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang truy tố các bị cáo ra trước tòa để xét xử với tội danh trên là có căn cứ, đúng pháp luật. Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, giữa các bị cáo không có sự câu kết chặt chẽ. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, không chứng minh được người đề xuất, nên các bị cáo đều là người thực hành. Bị cáo T cho các bị cáo đánh bạc tại nhà mình, cho bị cáo Đ vay tiền để đánh bạc, đồng thời tham gia đánh bạc với số tiền 600.000 đồng, là người thực hành tích cực hơn các bị cáo khác; bị cáo B là người chuẩn bị công cụ, đồng thời tham gia đánh bạc với số tiền 150.000 đồng, giữ vai trò sau T; bị cáo Th đã bị xử lý hành chính về hành vi đánh bạc, đã được xóa và đủ thời gian để coi như chưa bị xử lý hành chính, không lấy đó làm bài học mà lại phạm tội, giữ vai trò thứ ba; bị cáo Đ không có tiền, đã vay tiền để đánh bạc, Đ giữ vai trò thứ tư trong vụ án; các bị cáo N, A và C tham gia đánh bạc với số tiền ít, giữ vai trò như nhau và thấp nhất trong vụ án. Hội đồng xét xử sẽ xem xét vị trí của các bị cáo khi quyết định hình phạt.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo: Các bị cáo đều không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo và có thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; các bị cáo phạm tội do cơ hội, mức sát phạt thấp, đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Các bị cáo T, B và N có bố hoặc mẹ là người có công, được Nhà nước phong tặng danh hiệu, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình. Về nhân thân: Các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự (riêng bị cáo Th có một lần bị xử phạt vi phạm hành chính, đã được xóa, đủ thời gian được coi như chưa bị xử lý hành chính). Căn cứ quy định của pháp luật, sau khi xem xét vị trí vai trò, tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo; Hội đồng xét xử thấy: Các bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng có thể cho cải tạo tại địa phương hoặc áp dụng loại hình phạt thuộc loại nhẹ hơn tạo điều kiện giúp đỡ các bị cáo sửa chữa sai lầm và cũng có tác dụng giáo dục thành công dân tốt, đồng thời bảo đảm mục đích đấu tranh, phòng ngừa tội phạm.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo đều phạm tội vì mục đích tư lợi, nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 321 BLHS.

[5] Về xử lý vật chứng: Số tiền 5.870.000 đồng các bị cáo dùng vào việc phạm tội cần tịch thu sung quỹ Nhà nước; một chiếu cói cũ của gia đình bị cáo T, bị cáo đề nghị tiêu hủy và 01 bộ tú lơ khơ 52 quân không còn giá trị sử dụng, cần tịch

thu cho tiêu hủy.

[6] Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Các bị cáo Vũ Đức T, Vũ Đức B, Đàm Bá Th, Nguyễn Duy Đ, Huỳnh Bá N, Phạm Văn A và Phạm Văn C phạm tội "Đánh bạc".

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với đối với bị cáo Vũ Đức T, Vũ Đức B. Xử phạt bị cáo Vũ Đức T 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 (mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị cáo Vũ Đức B 08 (tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 (mười sáu), tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao các bị cáo Vũ Đức T và Vũ Đức B cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện N giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với đối với bị cáo Đàm Bá Th. Xử phạt bị cáo Đàm Bá Th 07 (bảy) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 (mười bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Đàm Bá Th cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện N giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Duy Đ. Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy Đ 8 (tám) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 03 ngày tạm giữ (từ ngày 25/01/2019 đến ngày 28/01/2019), quy đổi thành 09 ngày cải tạo không giam giữ, còn phải chấp hành 07 (bảy) tháng 21 (hai mươi mốt) ngày cải tạo không giam giữ, thời hạn tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã H, huyện N nhận được hồ sơ thi hành án hình phạt cải tạo không giam giữ.

Khấu trừ 10% thu nhập hằng tháng trong thời gian chấp hành án của bị cáo Đ để sung quỹ Nhà nước.

Giao bị cáo Nguyễn Duy Đ cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện N giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 35 Bộ luật Hình sự đối với đối với các bị cáo Huỳnh Bá N, Phạm Văn A và Phạm Văn C; thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Huỳnh Bá N.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Bá N 30.000.000 (ba mươi) triệu đồng, Phạm Văn A 25.000.000 (hai mươi lăm) triệu đồng, Phạm Văn C 25.000.000 (hai mươi lăm) triệu đồng sung quỹ Nhà nước.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Phạt các bị cáo Vũ Đức T, Vũ Đức B, Đàm Bá Th và Nguyễn Duy Đ mỗi bị cáo 10.000.000 triệu đồng sung quỹ Nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 1, 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 5.870.000 đồng các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội. Tịch thu tiêu hủy 01 bộ tú lơ khơ 52 quân và một chiếu cói cũ là công cụ sử dụng vào việc phạm tội *(vật chứng có đặc điểm ghi trong Biên bản giao nhận vật chứng ngày 24/4/2019 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ninh Giang và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Giang).*

Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo Vũ Đức T, Vũ Đức B, Đàm Bá Th, Nguyễn Duy Đ, Huỳnh Bá N, Phạm Văn A và Phạm Văn C mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 20/5/2019.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- VKSND huyện Ninh Giang;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- CQ CSĐT Công an huyện Ninh Giang;
- CQ THAHS Công an huyện Ninh Giang;
- Bộ phận HSNV Công an huyện Ninh Giang;
- Chi cục THADS huyện Ninh Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Đức Chính